

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI KÌ 1 – NĂM HỌC: 2023 – 2024

MÔN: TIN HỌC 11

Câu 1: Internet giúp khắc phục giới hạn lưu trữ bằng?

- A. Phân phối bán lẻ bộ nhớ
- B. Cho người dùng thuê bộ nhớ
- C. Bắt người dùng mua phần mềm thứ 3
- D. Các dịch vụ chia sẻ tệp tin trực tuyến.

Câu 2: Người dùng đăng ký sử dụng dịch vụ và được cấp một không gian lưu trữ trực tuyến gọi là?

- A. Nhà lưu trữ
- B. Cầu kết nối
- C. Bật online
- D. Đĩa trực tuyến

Câu 3: Tải tệp lên ổ đĩa trực tuyến cho người dùng....?

- A. Xóa các tệp và file trong máy tính mình đi
- B. Tải các tệp hay thư mục từ máy tính của mình lên ổ đĩa trực tuyến để lưu trữ và sử dụng
- C. Mua bán thông tin lưu trữ của nhau
- D. Các câu còn lại đúng

Câu 4: Ưu điểm của việc lưu trữ thông tin trực tuyến là?

- A. Cho phép chia sẻ thư mục, tệp cho người dùng khác
- B. Không cho phép chia sẻ thư mục, tệp cho người dùng khác
- C. Bán được thông tin cho nhau để kiếm tiền
- D. Thích vào thư mục của ai cũng được

Câu 5: Quyền chỉnh sửa là?

- A. Không đáp án nào đúng
- B. Là quyền lấy được tài khoản lưu trữ
- C. Là quyền chỉ cho xem
- D. Quyền cao nhất cho phép thao tác với thư mục và tệp

Câu 6: Các không gian lưu trữ trên internet có giới hạn dung lượng hay không?

- A. Không, nó là vô hạn
- B. Có
- C. Không kết luận được
- D. Không, vì không gian thì không có dung lượng

Câu 7: Đâu không phải là quy tắc sử dụng Internet an toàn?

- A. Hãy chậm lại
- B. Kiểm tra ngay
- C. Dừng lại, không gửi
- D. Mở và xem

Câu 8: Nguyên tắc thứ nhất: Hãy chậm lại nghĩa là gì?

- A. Hãy chậm lại trước khi hành động để tránh cảm giác bị đẩy đến giới hạn của kẻ lừa đảo
- B. Hãy chậm lại sau khi hành động để có cảm giác bị đẩy đến giới hạn của kẻ lừa đảo
- C. Hãy làm từng bước như lời người gửi, chậm rãi và chính xác
- D. Chậm lại để nghe họ nói gì và ghi nhớ để làm không bị sai

Câu 9: Nguyên tắc thứ hai: Kiểm tra ngay! Nghĩa là gì?

- A. Kiểm tra phần mềm máy tính, điện thoại xem có còn sử dụng được không
- B. Kiểm tra điểm số, họ hàng của người đưa thông tin
- C. Để họ kiểm tra nhân thân, giấy tờ của mình
- D. Kiểm tra thông tin bằng cách tra cứu số điện thoại hoặc địa chỉ để xác minh thông tin trực tiếp với người gửi

Câu 10: Khi sử dụng lại các thông tin trên mạng cần lưu ý đến vấn đề là?

- A. Từ khóa cần tìm
- B. Bản quyền
- C. Địa chỉ trang web
- D. Thông tin người lập web

Câu 11: Để bảo vệ dữ liệu trên máy tính khi dùng internet, em cần làm gì?

- A. cài đặt và cập nhật phần mềm chống virus
- B. tải các phần mềm ứng dụng không rõ nguồn gốc về máy tính
- C. cung cấp thông tin cá nhân trên mạng xã hội
- D. truy cập vào các liên kết lạ

Câu 12: Không gian số là không gian của ai?

- A. Không gian của riêng một chính phủ của một nước
- B. Không gian của chung tất cả mọi người, không phân biệt bất cứ ai, điều gì
- C. Không gian riêng của người tạo ra nó
- D. Không gian riêng của một tổ chức tôn giáo

Câu 13: Công dân số là?

- A. Người sử dụng mạng internet
- B. Người phải có đủ hành vi dân sự sử dụng internet
- C. Người đang bị phạm luật, đang trong thời gian thực thi luật pháp vì phạm tội sử dụng internet

D. Các câu còn lại đúng

Câu 14: Nên làm gì với các mật khẩu dùng trên mạng của mình?

- A. Cho bạn bè biết mật khẩu nếu quên còn hỏi bạn
- B. Thay mật khẩu thường xuyên và không cho bất cứ ai biết
- C. Sử dụng cùng một mật khẩu cho mọi thứ
- D. Đặt mật khẩu dễ đoán cho khỏi quên

Câu 15: Cập nhật dữ liệu là gì?

- A. là xóa hết dữ liệu trong bảng số liệu của file đó đi
- B. là ghi lại thông tin, cập nhật thêm thông tin, hoặc xóa bỏ đi thông tin nào đó trong bảng số liệu của một file
- C. là trích xuất file dữ liệu từ word sang pdf
- D. là biến đổi dữ liệu này sang dữ liệu khác

Câu 16: Truy xuất dữ liệu là gì?

- A. Tìm kiếm dữ liệu nào đó
- B. Sắp xếp các dữ liệu nào đó
- C. Lọc các dữ liệu nào đó
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 17: Để khắc phục tình trạng nhập các dữ liệu bằng tay, người ta tạo ra cái gì để nhập dữ liệu tự động?

- A. Mã vạch chứa thông tin sản phẩm
- B. Máy tính sách tay nhỏ gọn
- C. Điện thoại
- D. E-sim

Câu 18: Nếu muốn quản lý một nhà hàng, một đơn vị hay một tổ chức nào đó có lượng sản phẩm lớn. Cần có Để giảm bớt thời gian, công sức, nhân lực và tiền bạc?

- A. nhiều nhân viên
- B. thu thập dữ liệu tự động
- C. giải nén dữ liệu bị động
- D. quản lý chi tiêu

Câu 19: Tại sao cần cập nhật dữ liệu thường xuyên?

- A. để nắm bắt, quản lý, theo dõi và xử lý kịp thời các thông tin về dữ liệu
- B. để thay đổi dữ liệu
- C. để dàng xóa dữ liệu mới đi
- D. để bán hàng tốt hơn

Câu 20: Ai có thể xem được phần lưu trữ dữ liệu?

- A. người tạo ra máy tính

- B. người tạo ra dữ liệu
- C. người cung cấp internet
- D. người tạo ra bộ quản trị dữ liệu

Câu 21: Tổ chức lưu trữ dữ liệu nào giúp cho việc tìm kiếm và truy xuất dữ liệu trở nên nhanh chóng hơn?

- A. Tổ chức theo thứ tự bảng chữ cái
- B. Tổ chức theo thứ tự ngày tháng
- C. Tổ chức theo thứ tự địa chỉ đường
- D. Tổ chức theo thứ tự khóa chính

Câu 22: Khái niệm "Database" có nghĩa là gì?

- A. Một tài liệu văn bản chứa dữ liệu
- B. Một hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu
- C. Một thư mục chứa các tập tin dữ liệu
- D. Một ổ đĩa cứng lưu trữ dữ liệu

Câu 23: Trong một hệ thống cơ sở dữ liệu, khái niệm "Table" tương đương với gì?

- A. Một tập tin chứa dữ liệu
- B. Một bảng chứa các hàng và cột dữ liệu
- C. Một thư mục chứa nhiều tập tin dữ liệu
- D. Một hệ thống lưu trữ đám mây

Câu 24: Cơ sở dữ liệu là gì?

- A. Là một phần mềm.
- B. Là một tập hợp các hệ thống phần mềm.
- C. Là một phần cứng.
- D. Là một tập hợp các tệp tin lưu trữ dữ liệu.

Câu 25: Ngôn ngữ truy vấn cơ sở dữ liệu phổ biến nhất là:

- A. HTML.
- B. SQL.
- C. C++.
- D. Java.

Câu 26: Khái niệm "khóa ngoại" trong cơ sở dữ liệu là gì?

- A. Một cột trong bảng tham chiếu đến giá trị của cột trong bảng khác.
- B. Một cột trong bảng được sử dụng để xác định các giá trị duy nhất của mỗi hàng.
- C. Một cột trong bảng được sử dụng để liên kết các bảng khác nhau.
- D. Một cột trong bảng chứa giá trị số.

Câu 27: Hệ quản trị cơ sở dữ liệu (QTCSDL) là?

- A. phần mềm cung cấp phương thức để bảo trì, cập nhật và truy xuất dữ liệu của CSDL, bảo mật và an toàn dữ liệu
- B. phần mềm cung cấp phương thức để lưu trữ, cập nhật và truy xuất dữ liệu của CSDL, bảo mật và an toàn dữ liệu
- C. phần mềm cung cấp phương thức để phân tán, cập nhật và truy xuất dữ liệu của CSDL, bảo mật và an toàn dữ liệu
- D. phần mềm cung cấp phương thức để kiểm soát, cập nhật và truy xuất dữ liệu của CSDL, bảo mật và an toàn dữ liệu

Câu 28: Một hệ cơ sở dữ liệu có mấy thành phần?

- A. 4
- B. 2
- C. 1
- D. 3

Câu 29: Phần mềm ứng dụng CSDL là?

- A. phần mềm được xây dựng tương tác với hệ QTCSDL nhằm mục đích hỗ trợ người dùng khai thác thông tin từ CSDL một cách thuận tiện theo các yêu cầu xác định
- B. phần mềm được xây dựng tương tác với hệ QTCSDL nhằm mục đích hỗ trợ người dùng khai thác thông tin từ CSDL một cách bất tiện theo các yêu cầu xác định
- C. phần mềm được xây dựng đối kháng với hệ QTCSDL nhằm mục đích hỗ trợ người dùng khai thác thông tin từ CSDL một cách thuận tiện theo các yêu cầu xác định
- D. phần mềm được xây dựng tương tác với hệ QTCSDL nhằm mục đích đánh giá người dùng khai thác thông tin từ CSDL một cách thuận tiện theo các yêu cầu xác định

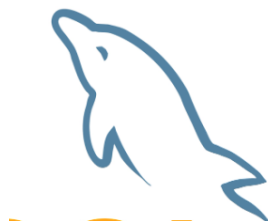
Câu 30: Những nhiệm vụ nào dưới đây không thuộc nhiệm vụ của công cụ kiểm soát, điều khiển truy cập vào CSDL?

- A. Duy trì tính nhất quán của CSDL
- B. Cập nhật (thêm, sửa, xóa dữ liệu)
- C. Khôi phục CSDL khi có sự cố
- D. Phát hiện và ngăn chặn sự truy cập không được phép

Câu 31: Ưu điểm cơ sở dữ liệu?

- A. Giảm dư thừa, nhất quán và toàn vẹn của dữ liệu.
- B. Các thuộc tính được mô tả trong nhiều tệp dữ liệu khác nhau.
- C. Khả năng xuất hiện mâu thuẫn và không nhất quán dữ liệu.
- D. Xuất hiện dị thường thông tin.

Câu 32: Đây là hệ QTCSDL nào?



- A. MySQL
- B. SQLTM
- C. My
- D. TM

Câu 33: Cơ sở dữ liệu (CSDL) quan hệ là?

- A. là CSDL lưu trữ dưới dạng các bảng có không quan hệ với nhau
- B. là CSDL lưu trữ dưới dạng các bảng có quan hệ với nhau
- C. giống hệt với CSDL phân tán
- D. là CSDL phân tích dưới dạng các bảng có quan hệ với nhau

Câu 34: Bản ghi là?

- A. tập hợp các thông tin về nhiều đối tượng cụ thể được quản lý trong filex
- B. tập hợp các thông tin về nhiều đối tượng cụ thể được quản lý trong bảng
- C. tập hợp các thông tin về một đối tượng không cụ thể được quản lý trong bảng
- D. tập hợp các thông tin về một đối tượng cụ thể được quản lý trong bảng

Câu 35: Trường thể hiện cái gì?

- A. thuộc tính của đối tượng
- B. chức năng của đối tượng
- C. khả năng phân tán của đối tượng
- D. khả năng lưu của đối tượng

Câu 36: Một bảng có thể có bao nhiêu khóa?

- A. 4
- B. 2
- C. 1
- D. nhiều khóa

Câu 37: CSDL quan hệ có hai loại khóa là?

- A. Khóa chính, khóa phụ
- B. Khóa chính, khóa ngoài
- C. Khóa trong, khóa ngoài
- D. Khóa trong, khóa phụ

Câu 38: Liên kết dữ liệu là?

- A. sử dụng khóa ngoài của bảng để thực hiện ghép nối dữ liệu hai bảng với nhau
- B. sử dụng khóa chính của bảng để thực hiện ghép nối dữ liệu hai cột với nhau
- C. sử dụng khóa ngoài của bảng để thực hiện ghép nối dữ liệu hai hàng với nhau
- D. sử dụng khóa chính của bảng để thực hiện ghép nối dữ liệu hai bảng với nhau

Câu 39: Việc xác định kiểu dữ liệu của các trường có mục đích gì?

- A. Hạn chế việc lãng phí dung lượng dữ liệu
- B. Cả A và C
- C. Kiểm soát tính đúng đắn về logic của dữ liệu được nhập vào bảng
- D. Biết rõ nguồn gốc của dữ liệu và kiểm soát người dùng

Câu 40: Kiểu dữ liệu của mỗi trường là?

- A. Không xác định được
- B. Lúc cùng lúc khác
- C. Khác nhau hoàn toàn
- D. Cùng một kiểu

Câu 41: Khóa ngoài là?

- A. là trường hoặc nhóm trường ở bảng này được làm khóa chính ở bảng khác
- B. là trường hoặc nhóm trường ở bảng này được làm khóa ngoài ở bảng khác
- C. là trường hoặc nhóm trường ở bảng này được làm trường ở bảng khác
- D. không có đáp án đúng

Câu 42: Hai bảng A và B được gọi là có quan hệ với nhau qua?

- A. Khóa chính của bảng A
- B. Khóa ngoài của bảng A
- C. Khóa chính của bảng B
- D. Khoáng chính và ngoài của bảng A

Câu 43: Trong mô hình cơ sở dữ liệu quan hệ.....?

- A. Thứ tự của các cột là quan trọng.
- B. Thứ tự của các cột là không quan trọng.
- C. Thứ tự của các hàng là không quan trọng.
- D. Thứ tự của các hàng là quan trọng

Câu 44: Thuật ngữ “thuộc tính” dùng trong hệ CSDL quan hệ là để chỉ đối tượng:

- A. Kiểu dữ liệu của một thuộc tính
- B. Bảng
- C. Hàng
- D. Cột

Câu 45: Dữ liệu trong mô hình quan hệ?

- A. Được biểu diễn theo cấu trúc hình cây.
- B. Được biểu diễn theo cấu trúc mô hình mạng.
- C. Được biểu diễn một cách duy nhất.
- D. Được biểu diễn nhiều kiểu khác nhau.

Câu 46: Phát biểu nào về hệ QTCSDL quan hệ là đúng?

- A. Phần mềm dùng để tạo lập, cập nhật và khai thác CSDL quan
- B. Phần mềm dùng để xây dựng các CSDL quan hệ
- C. Phần mềm Microsoft Access
- D. Phần mềm để giải các bài toán quản lí có chứa các quan hệ giữa các dữ liệu

Câu 47: Trong mô hình quan hệ, về mặt cấu trúc thì dữ liệu được thể hiện trong các?

- A. Cột (Field)
- B. Hàng (Record)
- C. Bảng (Table)
- D. Báo cáo (Report)

Câu 48: Trong bảng sau đây, mỗi học sinh chỉ có một mã số (Mahs)

Mahs	Hoten	Ngaysinh	Lop	Diachi	Toan	Ly	Hoa
0001	Tran Van Thanh	1 – 2 – 1990	12A	Nội trú	10	9	8
0002	Tran Van Thanh	1 – 2 – 1990	12A	Lê Lợi	9	10	5
0003	Tran Van Thanh	1 – 2 – 1990	12B	Nội trú	7	7	7

Khoá chính của bảng là?

- A. Khoá chính = {Mahs}
- B. Khoá chính = {HoTen, Ngaysinh, Lop, Diachi, Toan}
- C. Khoá chính = {HoTen, Ngaysinh, Lop, Diachi, Li}
- D. Khoá chính = {HoTen, Ngaysinh, Lop, Diachi}

Câu 49: Khẳng định nào là sai khi nói về khoá?

- A. Khoá là tập hợp tất cả các thuộc tính trong bảng để phân biệt được các cá thể
- B. Khoá là tập hợp tất cả các thuộc tính vừa đủ để phân biệt được các cá thể
- C. Khoá chỉ là một thuộc tính trong bảng được chọn làm khoá
- D. Khoá phải là các trường STT

Câu 50: Cho các bảng sau

- DanhMucSach(MaSach, TenSach, MaLoai)
- LoaiSach(MaLoai, LoaiSach)
- HoaDon(MaSach, SoLuong, DonGia)

Để biết giá của một quyển sách thì cần những bảng nào ?

- A. HoaDon
- B. DanhMucSach, HoaDon
- C. DanhMucSach, LoaiSach
- D. HoaDon, LoaiSach

Câu 51: Giả sử một bảng có 2 trường SOBH (số bảo hiểm) và HOTEN (họ tên) thì nên chọn trường SOBH làm khoá chính hơn vì?

- A. Trường SOBH đứng trước trường HOTEN
- B. Trường SOBH là kiểu số, trong khi đó trường HOTEN không phải là kiểu số
- C. Trường SOBH là duy nhất, trong khi đó trường HOTEN không phải là duy nhất
- D. Trường SOBH là trường ngắn hơn

Câu 52: SQL có mấy thành phần?

- A. 4
- B. 3
- C. 2
- D. 1

Câu 53: DDL là gì?

- A. Ngôn ngữ xóa bỏ dữ liệu
- B. Ngôn ngữ hình thành dữ liệu
- C. Ngôn ngữ trích xuất dữ liệu
- D. Ngôn ngữ định nghĩa dữ liệu

Câu 54: DML là gì?

- A. Ngôn ngữ thao tác dữ liệu
- B. Ngôn ngữ bác bỏ dữ liệu
- C. Ngôn ngữ trích xuất dữ liệu
- D. Ngôn ngữ sao lưu dữ liệu

Câu 55: DCL là gì?

- A. Ngôn ngữ khai báo dữ liệu
- B. Ngôn ngữ xóa bỏ dữ liệu
- C. Ngôn ngữ trích xuất dữ liệu
- D. Ngôn ngữ kiểm soát dữ liệu

Câu 56: CREAT DATABASE là?

- A. Một biểu thức.
- B. Câu truy vấn DDL
- C. Câu truy vấn DCL

D. Câu truy vấn DML

Câu 57: Câu truy vấn cập nhật dữ liệu là?

- A. UPDATE <tên trường>
OUT <tên trường> = <giá trị>
- B. UPDATE <tên trường>
SET <tên trường> = <giá trị>
- C. UPDATE <tên bảng>
OUT <tên trường> = <giá trị>
- D. UPDATE <tên bảng>
SET <tên trường> = <giá trị>

Câu 58: Trong SQL, ngôn ngữ định nghĩa dữ liệu bao gồm các chức năng?

- A. Tạo, sửa và xóa cấu trúc quan hệ. Bảo mật và quyền truy nhập.
- B. Bảo mật và quyền truy nhập.
- C. Tạo, sửa và xóa cấu trúc quan hệ. Thêm cột, sửa cột và xoá cột
- D. Tạo, sửa và xóa các bộ quan hệ. Bảo mật và quyền truy nhập.

Câu 59: SQL có ba thành phần là?

- A. MySQL, DDL, C++
- B. Python, DCL, SQL_{TM}
- C. DDL, DML, DCL
- D. PostgreSQL, C++, C plus

Câu 60: Mẫu câu truy vấn kiểm soát quyền truy cập là?

- A. HAVING và WHERE
- B. FROM và TO
- C. JOIN và SELECT
- D. GRANT và REVOKE